SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 502 /TB-TTYT

Lái Thiêu, ngày 23 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v chào giá Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ Thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu "Vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2026-2027"

Kính gửi: Các Công ty/Đơn vị cung cấp

Căn cứ Quyết định 269/QĐ-TTYT ngày 09 tháng 04 năm 2026 về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật gói thầu "Vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2026-2027";

Căn cứ Quyết định 292/QĐ-TTYT ngày 22 tháng 04 năm 2026 về việc phê duyệt danh mục, chủ trương thực hiện mua sắm gói thầu "Vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2026-2027";

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An đang có nhu cầu thuê dịch vụ thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: "Vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2026-2027" cụ thể:

- Tên gói thầu: Vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2026-2027
- Chi phí mua sắm hàng hóa tạm tính: 5.155.395.000 đồng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi theo từng lô, phần
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

Kính mời các Công ty/Đơn vị có chức năng,năng lực, kinh nghiệm và có nhu cầu tham gia thực hiện công tác thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu trên theo thông tin như sau:

I. Danh mục vật tư, thiết bị y tế: (phụ lục đính kèm)

II. Hồ sơ chào phí dịch vụ thẩm định gồm :
- Báo giá chào phí dịch vụ thẩm định
- Giấy phép đăng ký kinh doanh
- Hồ sơ năng lực
- Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung, điều khoản tham chiếu
- Tiến độ thực hiện công việc

III. Hồ sơ dịch vụ thẩm định và các tài liệu liên quan xin gửi về
- Phòng Vật tư-TBYT;

- Đ/c: Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điện thoại: 0274.3755434
- Thời gian nhận báo giá: 05 ngày kể từ ngày ra thông báo (trong giờ hành chính);

Thông báo này được đăng tải trên Website chính thức của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An; Website: *trungtamytethuanan.com.vn*

Trung tâm Y tế khu vực Thuận An rất mong nhận được sự quan tâm của các Công ty/Đơn vị cung cấp.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ
- Website TTYT Thuận An
- Lưu: VT,P.VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN

Lương Thiện Tích

PHỤ LỤC
VẬT TƯ Y TẾ CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH NĂM 2026-2027

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1		**Đinh, nẹp, vít khóa, vít rỗng các loại các cỡ**					
	1.1		Đinh chốt cẳng chân các cỡ	Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương 'Kích cỡ: đường kính đinh 8-10mm. Chiều dài 255-375mm, mỗi bước tăng 15mm. - Đặc tính: thân đinh đặc (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 4 vít). Các loại vít như sau: + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: 30-80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25-80mm, gia số tăng 5mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
	1.2		Đinh chốt đùi các cỡ	Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương Kích cỡ: đường kính đinh 9-11mm. Chiều dài 340-420mm, mỗi bước tăng 20mm. - Đặc tính: thân đinh rỗng (gồm 1 đinh, 1 nắp đinh và 4 vít). Các loại vít như sau: + Vít khoá Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài 70-115mm, gia tăng số 5mm; + Vít chốt khoá đường kính 4.7mm với chiều dài: 26-60 mm, gia số tăng 2mm, 64-84mm gia tăng số 4mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.3		Bất động ngoài căng chân	- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel) hoặc tương đương - Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối, 4 đinh đường kính 6mm /5mm/ 4mm. - Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương căng chân, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Bộ	2	
	1.4		Bất động ngoài đùi	- Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel) hoặc tương đương - Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối dài 260mm và 1 thanh nén, kéo. - 6 đinh đường kính 6.0mm với chiều dài 130mm, đoạn răng 50mm. - Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương đùi, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Bộ	2	
	1.5		Nẹp khóa chữ I các cỡ	- Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: có 7 cỡ từ 4-10 lỗ tối thiểu có cỡ 8,9 lỗ Chiều dài từ 23.2-55mm, tối thiểu có cỡ dài 28.5, 44.4mm - Đặc tính: nẹp thẳng có lỗ vít tròn (có thể sử dụng vít khóa hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium hoặc tương đương. + Sử dụng vít khóa đường kính 2.0mm và vít vỏ đường kính 2.0mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	5	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.6		Nẹp khóa chữ L (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: có 4 cỡ từ 5 - 8 lỗ, ứng với chiều dài từ 22.5 -38.4mm, tối thiểu có cỡ dài 27.8mm - Đặc tính: nẹp hình chữ L có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vỏ đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	5	
	1.7		Nẹp khóa chữ T các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 5 -> 9 lỗ. Chiều dài: 23.4 -> 44.6mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T có lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.0mm và vít vỏ đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
	1.8		Nẹp khóa đa hướng cẳng chân các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: + 4->16 lỗ, tương ứng chiều dài: 94 - >310mm. - Đặc tính: + Nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.9		Nẹp khóa đa hướng cẳng tay các cỡ	- Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ từ 4 - 10 lỗ, ứng với chiều dài từ 63 -141mm (bước tăng 13mm) - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE	Cái	20	
	1.10		Nẹp khóa đa hướng cánh tay các cỡ	- Chất liệu: Pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 4->12 lỗ tương ứng Chiều dài: 67->171mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
	1.11		Nẹp khóa đa hướng chữ Y cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: Pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 6-> 12 lỗ tương ứng với Chiều dài: 67->171mm. - Đặc tính: + Nẹp hình chữ Y, + Đầu nẹp có 2 nhánh nhỏ, mỗi nhánh có 3 lỗ vít khoá đa hướng + Đầu nẹp có lỗ dùng để xuyên đinh Kirschner cố định nẹp trước khi bắt vít. +Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt	Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1.12		Nẹp khóa đa hướng đầu dưới cẳng chân II (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 6->13lỗ tương ứng Chiều dài: 124->228mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng, 2 lỗ vít khoá hình số tám(lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép). + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
1.13		Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương mác các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: Có 6-> 12 lỗ tương ứng Chiều dài: 74->171mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, đầu nẹp có móc và có 3 lỗ vít khoá đa hướng, đầu nẹp có lỗ dùng để xuyên đinh Kirschner cố định nẹp trước khi bắt vít.Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.7/4.0mm, vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.14		Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 3->13lỗ tương ứng Chiều dài: 99-> 299mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 5 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10	
	1.15		Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 3-12lỗ. Chiều dài tương ứng 103-194mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 9 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng phù hợp với người bệnh) và 1 lỗ vít hình tròn dùng để nén ép, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10	
	1.16		Nẹp khóa đa hướng đầu xa xương đòn (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4->10lỗ. Chiều dài: 72->144mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, + Đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) - Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm, vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt	Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1.17		Nẹp khóa đa hướng đùi các cỡ	- Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ có từ 6 -16 lỗ (tối thiểu 10 cỡ). Chiều dài từ 143 -323mm, tối thiểu có cỡ dài 179, 251mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	5	
1.18		Nẹp khóa đa hướng đùi đầu rắn các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 4-> 13lỗ tương ứng Chiều dài: 120-> 282mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
1.19		Nẹp khóa đa hướng gót chân IV các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: size 6-12 lỗ, chiều dài 58mm và 67mm. - Đặc tính: thân nẹp lỗ vít khoá đa hướng, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.20		Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 3->10 lỗ. Chiều dài: 61->131mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp là hình tam giác có móc, có 2 lỗ vít khoá đa hướng và 1 lỗ vít hình tròn, + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
	1.21		Nẹp khóa đa hướng L nâng đỡ (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 4->10 lỗ tương ứng Chiều dài: 80->144mm. - Đặc tính: Nẹp hình chữ L, + Đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (gồm lỗ vít khoá đa hướng và lỗ vít dùng để nén ép), + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.22		Nẹp khóa đa hướng lồi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 5->11lỗ. Chiều dài: 99->171mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 3 lỗ vít khoá đa hướng và 3 lỗ vít khoá hình tròn + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm; vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
	1.23		Nẹp khóa đa hướng lồi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4->10 lỗ. Chiều dài: 79->151mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 3 lỗ vít khoá đa hướng và 1 lỗ vít khoá hình tròn, + Thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm/4.0mm; vít vỏ đường kính 2.7/4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.24		Nẹp khóa đa hướng mắc xích các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4->16 lỗ tương ứng Chiều dài: 70->205mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10	
	1.25		Nẹp khóa đa hướng mỏm khuỷu (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 3-> 8 lỗ tương ứng Chiều dài: 70-> 135mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 2 lỗ vít khoá, + Thân nẹp có lỗ ở đầu nẹp và cuối nẹp là lỗ vít khoá đa hướng + Các lỗ vít còn lại là lỗ vít hình tròn (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít vỏ); + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
	1.26		Nẹp khóa đa hướng ốp lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 4-> 13 lỗ tương ứng Chiều dài: 139-> 319mm. - Đặc tính: + Đầu nẹp có 7 lỗ vít khoá đa hướng + Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép) và lỗ vít hình tròn, + Chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. - Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	

Stt	Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
1.27		Nẹp khóa đa hướng T nâng đỡ các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. Kích cỡ: 3 -> 8 lỗ. Chiều dài tương ứng 65 -> 145mm. Đặc tính: Nẹp hình chữ T, đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (gồm lỗ vít khoá đa hướng và lỗ vít dùng để nén ép), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
1.28		Nẹp khóa đa hướng T nhỏ các cỡ	- Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. Kích cỡ: 3-6 lỗ. Chiều dài tương ứng: 45-78mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ T, đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá đa hướng (lỗ vít khoá đa hướng giúp xoay vít theo nhiều hướng), thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm và vít vỏ đường kính 2.7mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
1.29		Nẹp khóa đa hướng xương đòn S (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: 6 -> 10 lỗ tương ứng Chiều dài: 69 ->117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ), chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	50	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.30		Nẹp khóa đầu xa hai xương cẳng tay (trái, phải) các cỡ	- Chất liệu: pure titanium hoặc tương đương - Kích cỡ: 6-14 lỗ. Chiều dài: 67-171mm. - Đặc tính: nẹp có hình chữ U, lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vỏ) , chất liệu Titanium hoặc tương đương có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 2.7mm và vít vỏ đường kính 2.7mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	25	
	1.31		Nẹp khóa DHS các cỡ	- Chất liệu: Pure Titanium hoặc tương đương. - Kích cỡ: Có từ 3-12 lỗ tối thiểu có cỡ 6,10 lỗ. Chiều dài từ 91 -235mm (mỗi bước tăng 16mm) - Đặc tính: nẹp thẳng có kèm vít khoá DHS, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít nén ép), chất liệu Titanium hoặc tương đương + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vỏ đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	5	
	1.32		Vít khóa 2.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6 -> 22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. (Tương thích với danh mục số 1.5,1.6,1.7)	Cái	100	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.33		Vít khóa 2.7 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, tương ứng chiều dài: 6 -> 60 mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.I39 (Tương thích với danh mục số 1.16,1.22,1.28,1.30)	Cái	300	
	1.34		Vít khóa 4.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: + Đường kính 4.0mm, + Chiều dài: 12 -> 60mm. - Đặc tính: + Vít tự taro, đầu vít hình lục giác. + Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. +Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. (Tương thích với danh mục số 1.9,1.10,1.11,1.12,1.15,1.19,1.20,1.24, 1.25)	Cái	400	
	1.35		Vít khóa 5.0mm các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 5.0mm tương ứng chiều dài: 18 -> 90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. (Tương ứng danh mục 1.8,1.14,1.17,1.18,1.21,1.26,1.27,1.31)	Cái	300	
	1.36		Vít khóa 6.5 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 6.5mm, chiều dài: 30 ->110mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân vít rỗng toàn ren - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	1.37		Vít khóa 7.3 các cỡ	- Chất liệu: Titanium Alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 7.3mm, ứng với chiều dài từ 60-115mm (mỗi bước tăng 5mm) - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân vít rỗng, đoạn ren ngắn. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	15	
	1.38		Vít rỗng titan 3.0 các cỡ	- Chất liệu: Titanium Alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 3.0mm, chiều dài từ 14-30mm (bước tăng 2mm) - Đặc tính: thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác rỗng đường kính 2.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10	
2		**Vít vỏ, vít xốp các loại các cỡ**					
	2.1		Vít vỏ 2.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 2.0mm, chiều dài: 6 -> 22mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình tam giác. Dùng tuốc nơ vít hình tam giác. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	30	
	2.2		Vít vỏ 2.7 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6 -> 30mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dùng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	100	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	2.3		Vít vỏ 4.0 các cỡ	- Chất liệu: titanium alloy hoặc tương đương. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài 12 -> 60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	200	
	2.4		Vít vỏ 5.0 các cỡ	- Chất liệu: Titanium alloy hoặc tương đương - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18 mm -> 90mm - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren . - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	100	
	2.5		Vít xốp rỗng 4.5 các cỡ	- Chất liệu: thép y khoa/thép không gỉ hoặc tương đương - Kích cỡ: + Đường kính 4.5mm, + Chiều dài: 16mm -> 34mm. - Đặc tính: Thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác, dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10	
	2.6		Vít xốp rỗng 6.5 các cỡ	- Chất liệu: thép y khoa/thép không gỉ hoặc tương đương - Kích cỡ: + Đường kính 6.5mm. + Chiều dài: 50mm -> 120mm. - Đặc tính: Thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác, dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	2.7		Vít xốp rỗng 7.3 các cỡ	- Chất liệu: thép y khoa/thép không rỉ hoặc tương đương - Kích cỡ: + Đường kính 7.3mm, + Chiều dài: 50mm -> 115mm. - Đặc tính: thân vít rỗng, thân không toàn ren, chỉ có 1 đoạn ren tại mũi vít; kèm loong đền đệm, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	5	
3		**Bộ đinh các loại**					
	3.1		Bộ đinh thân xương chày	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Đinh lòng rỗng Φ8, 9, 10, 11mm, L 255 --> 375mm Locking screw : Φ3.9, L 26 --> 80mm Locking screw : Φ5.0, L 25 --> 90mm End Cap : 5 mm , kèm bộ trợ cụ Canwell. T-iêu chuẩn: ISO13485, CE.	Bộ	10	
	3.2		Bộ đinh thân xương đùi	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Đinh lòng rỗng, tương đương loại CanEFN. Kích thước: Ø9,10,11,12mm, L 300 --> 460mm Lag screw : Φ7.0, L 60 --> 150mm Locking screw : Φ4.9, L 20 --> 80mm End cap : L 5,10,15,20,25,30mm Tiêu chuẩn : ISO13485, CE	Bộ	10	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	3.3		Bộ Nẹp khoá đầu dưới xương đùi	- Chất liệu : Titanium hoặc tương đương. - Nẹp khoá đầu dưới xương đùi mặt ngoài, sử dụng vít khoá 5.0mm, vít khoá 5.0mm tự khoan, tự taro, vít xương cứng 4.5mm, vít chêm 5.0mm - Loại đầu dưới xương đùi - distal lateral femoral locking plate Kích thước : đầu nẹp 7 lỗ, thân nẹp dài 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 155/195/235/275/315mm, trái/ phải - Loại đầu dưới xương đùi mổ ít xâm lấn LISS - distal lateral femoral LISS plate Kích thước : nẹp dài 5/7/9/11/13 lỗ, tương ứng chiều dài 155/195/235/275/315mm, trái/ phải Nẹp dày : đầu nẹp dày 2.8mm, thân nẹp dày 5.5mm Nẹp rộng : đầu nẹp rộng 35mm, thân nẹp dày 16.5mm Đạt tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA.	Bộ	10	
	3.4		Bộ đinh đầu trên xương đùi	- Chất liệu Titanium hoặc tương đương - Đinh rỗng, lưỡi, chốt, nắp cổ xương đùi. - Đinh ngắn : Ø9,10,11,12,13mm, L 170, 200, 240mm Đinh dài : Ø9,10,11mm, L360, 400, 420mm Vít Lag screw : Φ10.4, L 70 --> 120mm Lưỡi Helical Blade : Φ10.4, L 75 --> 120mm Locking screw : Φ4.9, L 20 --> 80mm End cap : L 5, 10, 15mm Bộ gồm : Đinh + Lưỡi + Vít + Nắp. kèm bộ trợ cụ Canwell. Tiêu chuẩn : ISO, CE.	Bộ	15	
4		**Khớp các loại**					

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
	4.1		Khớp háng bán phần không xi măng các cỡ	1.Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12/14, 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma. 2. Ổ cối bán phần: Bề mặt ngoài bằng thép ko gỉ hoặc tương đương, đánh bóng gương. Bề mặt bên trong bằng polyethylene hoặc tương đương. đường kính từ 42-58mm bước tăng 2mm tương ứng chỏm đường kính 22.2mm; đường kính từ 42-60mm bước tăng 2mm tương ứng chỏm đường kính 28mm. Ổ cối có cơ chế khóa ràng chống trật khớp. 3.Đầu xương đùi (chỏm): Chất liệu: Thép không rỉ hoặc tương đương. Kích cỡ: 12/14 đường kính 22.2mm: có các size: 0; +3, 12,14 đường kính 28mm: có các size: -3.5; 0; +3.5; +7.	Bô	15	
	4.2		Khớp háng toàn phần không xi măng, ổ cối chuyển động đôi không xi măng	1. Đầu xương đùi (chỏm): Chỏm và lớp đệm được đóng thành 1 khối; chỏm chuyển động bên trong lớp đệm, lớp đệm chuyển động bên trong ổ cối, tạo thành chuyển động kép. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương. Kích cỡ: 12/14 đường kính 22.2mm: có các size: 0; +3, 12/14 đường kính 28mm: có các size: -3.5; 0; +3.5; +7. 2. Lớp đệm (liner): Vật liệu: Polyethylene hoặc tương đương. Size từ 44-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đường kính 22.2mm; size từ 48-60 bước tăng 2 tương ứng chỏm đường kính 28mm. 3. Ổ cối (cup): bề mặt ngoài có 2 lớp: lớp bên dưới phủ bột titanium, lớp bên trên phủ lớp hydroxyapatite toàn phần,	Bộ	10	

Stt		Tên lô, phần	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng	Ghi chú
				vành ngoài có 6 đinh cố định chống xoay; đinh ổ cối có 4 đinh chống lật và xoay. Bề mặt bên trong được đánh bóng cao. Vật liệu: Hợp kim Cobalt - Chrome - molybdenum hoặc tương đương. Kích cỡ: từ 44-60 mm với bước tăng 2 mm. Chén đóng ổ cối được thiết kế gắn sẵn với cup, đóng gói tiệt trùng sẵn bằng tia gamma. 4. Chuôi xương đùi (cuống xương đùi): Góc cổ chuôi 135 độ. Vật liệu: hợp kim Titanium Aluminium Vanadium hoặc tương đương, được phủ 2 lớp gồm 1 lớp bột titanium và 1 lớp hydroxyapatite. Cổ chuôi 12,14 5 độ 40 phút, hình ê-líp và được đánh bóng gương. Kích thước: size x chiều dài: 9 x 130mm; 10 x 140mm; 11 x 145mm; 12 x 150mm; 13 x 155mm; 14 x 160mm; 15 x 165mm; 16 x 170mm. Tiệt trùng sẵn bằng tia gamma.			
	4.3		Khớp gối toàn phần cố định có xi măng	* Lồi cầu đùi: hợp kim Co-Cr-Mo hoặc tương đương, có mấu "Cam" ngăn ngừa trật khớp. Hình dạng cong tăng tầm hoạt động của xương bánh chè. Có tối thiểu 9 size từ F3-F12 * Mâm chày: Hợp kim Co-Cr-Mo hoặc tương đương, dạng cố định , có vòng tăng cường chịu lực, chứa lớp đệm, rãnh dọc chống xoay. Trụ mâm chày nghiêng 3°, có tối thiểu 9 size từ F3-F12 * Lớp đệm: Polyethylene cao phân tử hoặc tương đương, kiểu cố định, hình dạng phù hợp lồi cầu tăng sự tiếp xúc, chống trật, lồi cầu đùi có khả năng xoay trên bề mặt đĩa đệm, có tối thiểu 9 size, mỗi size có 9 độ dày lớp đệm từ 10 - 26mm * Bánh chè: Polyethylene cao phân tử hoặc tương đương, dạng 3 chân hình vòm, chân dài 5.5mm, biên ngoài 1.5mm, size từ Ø26 – 34mm. * Xi măng xương có kháng sinh Teknimed hoặc tương đương.	Bộ	5	